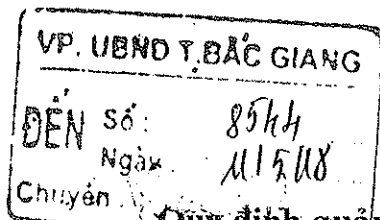


BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018



THÔNG TƯ

Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1125/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Chương trình) theo Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm cả vốn đối ứng các chương trình, dự án để thực hiện Chương trình); trừ các khoản hỗ trợ có mục đích của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các khoản hỗ trợ mà nhà tài trợ (hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ) và phía Việt Nam đã có thoả thuận về nội dung và mức chi.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Ngân sách trung ương:

a) Bảo đảm kinh phí cho các Bộ, cơ quan trung ương thực hiện các hoạt động của dự án/Chương trình (bao gồm cả kinh phí đối ứng cho các dự án ODA thực hiện nhiệm vụ của các hoạt động/dự án theo thỏa thuận của nhà tài trợ và phê duyệt của cấp có thẩm quyền);

b) Bảo đảm đủ vắc xin, bơm kim tiêm, hộp an toàn cho tiêm chủng mở rộng; thuốc chống lao hàng 1 và hàng 2 trong giai đoạn 2016 - 2018 (từ năm 2019 thanh toán thuốc chống lao từ Quỹ bảo hiểm y tế (sau đây viết tắt là BHYT) cho các đối tượng có thẻ BHYT, các đối tượng khác chưa được thanh toán thuốc chống lao từ Quỹ BHYT do ngân sách chương trình thanh toán); thuốc cho bệnh nhân tâm thần; thuốc, hóa chất, bình phun hoá chất, vật tư phòng, chống sốt rét; phương tiện tránh thai cấp cho các đối tượng ưu tiên và tiếp thị xã hội; Vitamin A; mua các vật dụng đặc thù và gia công sản xuất giấy dép chuyên biệt cho bệnh nhân phong, pha chế thuốc bôi ngoài da phục vụ khám phát hiện bệnh phong; thuốc kháng vi rút HIV (ARV) trong giai đoạn 2016 - 2018 (từ năm 2019 thanh toán thuốc kháng vi rút HIV từ Quỹ BHYT cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế, các đối tượng khác chưa được thanh toán thuốc kháng vi rút HIV từ Quỹ BHYT do ngân sách chương trình thanh toán), thuốc nhiễm trùng cơ hội, sinh phẩm xét nghiệm HIV, thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, bơm kim tiêm, bao cao su và các vật dụng khác cho phòng, chống HIV/AIDS; hóa chất, bình phun hóa chất, trang thiết bị, vật tư phòng, chống sốt xuất huyết; trang thiết bị đồng bộ theo yêu cầu của các Dự án;

c) Thuê phần mềm tiêm chủng, thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia, phần mềm quản lý bệnh nhân điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và ARV; thuê kho bảo quản vắc xin, phương tiện tránh thai; mua bảo hiểm kho vắc xin; chi bồi thường tiêm chủng; hỗ trợ công tiêm chủng cho một số tỉnh khó khăn;

d) Hỗ trợ các địa phương để triển khai thực hiện hoạt động của các dự án (trừ các nhiệm vụ chỉ do ngân sách địa phương đảm bảo) theo nguyên tắc quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 1125/QĐ-TTg, trong đó ưu tiên hỗ trợ các địa phương nằm trong vùng trọng điểm về dịch tễ, vùng có nguy cơ bùng phát dịch, vùng có mức sinh cao, vùng có tỷ số giới tính khi sinh cao; các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa phương chưa tự cân đối ngân sách, các tỉnh nghèo, miền núi, biên giới, biển đảo, Tây Bắc, Tây Nguyên,

Tây Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh có ảnh hưởng lớn do thiên tai (bão, lũ lụt).

2. Ngân sách địa phương:

a) Đảm bảo đầy đủ nguồn lực từ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Mua vật tư tiêm chủng (trừ bơm kim tiêm và hộp an toàn); phương tiện tránh thai; vật tư, trang thiết bị, hóa chất thông dụng của Chương trình;

- Tiêu hủy: bơm kim tiêm, phương tiện tránh thai, thuốc, vắc xin, mẫu bệnh phẩm, vật tư, hóa chất hết hạn sử dụng (nếu có), chất thải độc hại (nếu có) thuộc Chương trình; tiêu hủy thực phẩm, nguyên liệu sản xuất, chế biến thực phẩm, vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (đối với hàng vô chủ) phát hiện trong các đợt kiểm tra, thanh tra, giám sát thuộc Chương trình;

- Hỗ trợ chi phí đi lại cho bệnh nhân thuộc hộ nghèo đến kiểm tra tình trạng bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa từ tuyến huyện trở lên;

- Xây dựng, duy trì, cập nhật hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của các Chương trình, Dự án tại địa phương;

- Chi hỗ trợ cán bộ y tế, dân số; thù lao cho cán bộ chuyên trách, cộng tác viên (trong đó bao gồm cán bộ y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản, cộng tác viên dân số, nhân viên tiếp cận cộng đồng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống HIV/AIDS); chi trả công cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động xử lý ô dịch và hoạt động phòng, chống bệnh sốt rét, bệnh sốt xuất huyết; chi hỗ trợ cán bộ y tế đưa bệnh nhân lao tới tổ khám, điều trị lao tuyến huyện, hỗ trợ khám, phát hiện bệnh nhân lao phổi và cấp phát thuốc, theo dõi tuân thủ điều trị của bệnh nhân;

- Xây dựng, triển khai mô hình quản lý bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và tâm thần; mô hình phòng chống bệnh tật lứa tuổi học đường; mô hình cải thiện tình trạng dinh dưỡng, thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế;

- Đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ y tế cấp cơ sở; đào tạo, tập huấn, diễn tập nâng cao năng lực cho các đối tượng của các Dự án tại tuyến cơ sở;

- Hỗ trợ quản lý Chương trình tại địa phương; kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình của địa phương;

b) Bố trí vốn đối ứng cho các cơ quan, đơn vị cùng với ngân sách trung ương triển khai các hoạt động của Dự án; lồng ghép với các Chương trình, Dự án, hoạt động khác có liên quan trên địa bàn để bảo đảm thực hiện các mục tiêu, nội dung, hoạt động của Dự án của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 1125/QĐ-TTg.

3. Nguồn huy động, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 3. Lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí Chương trình thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngoài ra, Thông tư này hướng dẫn thêm một số điểm về lập dự toán như sau:

a) Các Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình năm sau chi tiết theo Dự án, lĩnh vực chi gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế trước ngày 20 tháng 7 hàng năm;

b) Căn cứ dự toán chi thực hiện Chương trình do các Bộ, cơ quan trung ương và UBND cấp tỉnh gửi, căn cứ tình hình thực hiện các mục tiêu của năm trước, tình hình dịch bệnh, mục tiêu đặt ra của từng Dự án giai đoạn 2016-2020 và số thông báo của Bộ Tài chính dự kiến giao kinh phí ngân sách trung ương bố trí thực hiện Chương trình năm sau (vốn sự nghiệp), Bộ Y tế dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ nguồn ngân sách sự nghiệp trung ương chi tiết theo từng Dự án và chi tiết cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương kèm theo thuyết minh nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ của từng dự án gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 8 hàng năm.

2. Việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

3. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện, chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan, đơn vị được giao dự toán gồm: Hợp đồng (kèm theo dự toán chi tiết được cơ quan chủ trì phê duyệt), biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, chứng từ chi ngân sách nhà nước (giấy rút dự toán), chứng từ thanh toán (ủy nhiệm chi) và các tài liệu có liên quan khác (nếu có). Các hoá đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do cơ quan trực tiếp thực hiện hợp đồng lưu giữ.

4. Việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất.

Chương II NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHUNG

Điều 4. Nội dung và mức chi chung của Chương trình

1. Chi xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ:

a) Xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình: Nội dung và mức chi theo quy định tại Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 123/2009/TT-BTC);

b) Chi biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Nội dung và mức chi theo quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 123/2009/TT-BTC;

c) Chi xây dựng sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ (nếu có): Mức chi theo thực tế phát sinh, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

2. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn:

a) Nội dung và mức chi: theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 139/2010/TT-BTC).

b) Ngoài các nội dung chi tại Điểm a Khoản này, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng được sử dụng kinh phí của Chương trình để hỗ trợ đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các nội dung sau:

- Chi hỗ trợ tiền ăn: theo mức chi áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC;

- Chi phí đi lại từ nơi cư trú đến nơi học tập (một lượt đi và về);

- Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp cơ sở đào tạo không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho học viên mà phải đi thuê);

Nội dung và mức chi thuê chỗ nghỉ, chi phí đi lại tối đa theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 và Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC). Trường hợp người học tự túc phương tiện đi lại thì được hỗ trợ chi phí đi lại bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm học.

3. Chi tổ chức các cuộc hội nghị về lập kế hoạch, triển khai thực hiện, hội nghị sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình và các hoạt động, dự án thành phần thuộc Chương trình: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

4. Chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước, chi các hoạt động nghiên cứu, phục vụ nội dung chuyên môn của Chương trình theo đề cương nghiên cứu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015

của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

5. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về các nội dung, hoạt động của Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2010/TT-BTC).

6. Chi điều tra, khảo sát, thống kê theo nội dung chuyên môn của từng Dự án: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia (sau đây viết tắt là Thông tư số 109/2016/TT-BTC).

7. Chi xây dựng, quản lý, sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý dữ liệu; xây dựng, cập nhật và quản lý thông tin của các Dự án, Chương trình trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử:

a) Đối với các trường hợp xây dựng dự án, mức chi căn cứ dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập dự án ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý dự án ứng dụng công nghệ thông tin; định mức, đơn giá chuyên ngành do các Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan ban hành. Một số quy định hiện hành như sau:

- Lập và quản lý chi phí dự án ứng dụng công nghệ thông tin: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

- Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

- Chi phí thẩm định dự án: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

- Định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin; Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin;

- Định mức tạo lập cơ sở dữ liệu: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin;

- Chi xây dựng, nâng cấp phần mềm nội bộ: thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ;

b) Đối với nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08 tháng 9 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án;

c) Chi nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử: thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Chi chuẩn hóa dữ liệu: mức chi trên cơ sở tham khảo định mức kinh tế-kỹ thuật theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin;

đ) Chi cải tạo, sửa chữa hạ tầng, mua sắm tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Chi thuê dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước và theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

g) Chi thuê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ trang thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng thông tin, duy trì dịch vụ mạng (bao gồm thuê đường truyền, băng thông, duy trì tên miền, địa chỉ IP, thu thập, lưu trữ và truyền tải thông tin, các dịch vụ

trực tuyến khác): thực hiện theo hợp đồng, hoá đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

8. Chi thuê chuyên gia trong nước theo quyết định của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình. Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật về đấu thầu.

9. Chi học tập, trao đổi kinh nghiệm và hợp tác quốc tế để tăng cường năng lực và triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động của Chương trình: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC và Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

10. Chi mua thuốc, mẫu thực phẩm, phương tiện tránh thai, trang thiết bị y tế, sinh phẩm, hoá chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng đặc thù, trang thiết bị (đào tạo, truyền thông, tin học và quản lý) (sau đây gọi tắt là hàng hoá) dùng cho hoạt động chuyên môn của từng Dự án thuộc Chương trình (bao gồm cả mua phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn để học viên thực hành lâm sàng và tiền lâm sàng (nếu có)). Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

11. Chi tiêu hủy bom kim tiêm, thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, vật tư, rác thải y tế độc hại, hoá chất hết hạn sử dụng (nếu có) thuộc Chương trình; tiêu hủy hàng vô chủ là thực phẩm, nguyên liệu, vật tư, hóa chất sản xuất, chế biến thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (đã bao gồm thực phẩm giả, thực phẩm nhái, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm không đảm bảo an toàn) phát hiện trong các đợt kiểm tra, giám sát thuộc Chương trình theo quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- a) Mua nhiên liệu, hoá chất, vật tư dùng cho tiêu hủy (nếu có);
- b) Thuê kho lưu giữ vật tư, hóa chất, mầm bệnh độc phải thực hiện tiêu hủy;
- c) Thuê máy móc, thiết bị phục vụ tiêu hủy (nếu cần thiết);

Mức chi quy định tại Điểm a, b và c Khoản này căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, các chứng từ chi tiêu hợp pháp phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thực hiện ở địa phương ;

d) Chi vận chuyển: thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, thực phẩm, nguyên liệu sản xuất, chế biến thực phẩm; vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất, kinh doanh cần tiêu hủy; trang thiết bị, người tham gia phục vụ tiêu hủy. Mức chi theo quy định tại Khoản 13 Điều này;

đ) Thuê nhân công thực hiện việc tiêu hủy (nếu có), mức chi: bằng 1,5 mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối

thiếu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Trường hợp phải thuê cơ quan, đơn vị khác thực hiện việc tiêu hủy, mức chi thực hiện theo hợp đồng, hóa đơn của đơn vị thực hiện tiêu hủy.

12. Chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ và hiệu chỉnh các trang thiết bị, kho bảo quản (thuốc, phương tiện tránh thai, sinh phẩm, mẫu bệnh phẩm, vật tư, hoá chất) phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án thuộc Chương trình do cấp có thẩm quyền phê duyệt: Theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu.

13. Chi vận chuyển hàng hoá, mẫu bệnh phẩm, mẫu xét nghiệm từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm để phục vụ hoạt động chuyên môn của từng dự án, máy móc, trang thiết bị; chi phí đi lại của cán bộ y tế, dân số, người phục vụ, cộng tác viên và đối tượng trong các đợt khám sàng lọc, phát hiện và triển khai các chiến dịch:

a) Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện công cộng: Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải công cộng;

b) Trường hợp vận chuyển theo đường bưu điện: Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ bưu chính hiện hành;

c) Trường hợp thuê phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc sử dụng phương tiện vận chuyển. Mức chi theo hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (có tính đến giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó) trong phạm vi dự toán được giao.

d) Trường hợp tự túc phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): Mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hoá, trang thiết bị, mẫu bệnh phẩm và con người trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên.

14. Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

15. Chi dịch thuật:

a) Dịch tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2010/TT-BTC;

b) Chi phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: mức tiền công áp dụng bằng mức chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC;

c) Chi dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: áp dụng mức chi dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số tại Thông

tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

16. Chi hỗ trợ người cho và lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên môn y tế để xác định các bệnh thuộc Chương trình (riêng đối với dự án Tiêm chủng mở rộng chỉ áp dụng đối với các bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, lao và bại liệt) trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát, bao gồm:

- a) Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (trừ mẫu dịch não tủy): 7.000 đồng/mẫu;
- b) Chi hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy (nếu có): 30.000 đồng/mẫu;
- c) Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tĩnh mạch: 30.000 đồng/mẫu, người cho mẫu máu mao mạch: 10.000 đồng/mẫu.

17. Chi công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật tại các tuyến và hướng dẫn thực hiện các hoạt động chuyên môn thuộc Chương trình:

a) Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Khoản 1 và Khoản 2 Mục II Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

Đối với đoàn công tác kiểm tra, đánh giá liên ngành, liên cơ quan: cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi phí cho chuyến công tác theo chế độ quy định (tiền tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc) cho các thành viên trong đoàn. Để tránh chi trùng lặp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, giấy triệu tập) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác không phải thanh toán các khoản chi này;

b) Trường hợp đi giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi của các Dự án, cán bộ y tế, dân số đi giám sát được hỗ trợ mức 40.000 đồng/người/ngày đi giám sát ngoài chế độ công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

Ngoài ra, tùy thuộc vào yêu cầu của mỗi cuộc kiểm tra, thanh tra, giám sát được sử dụng kinh phí của Chương trình để thực hiện thêm một số nội dung như sau:

- Lấy, bảo quản hoặc mua mẫu xét nghiệm, mẫu phân tích: lấy mẫu theo quy định tại Khoản 16 Điều này; việc bảo quản, mua mẫu theo chứng từ, hoá

đơn hợp lệ và phù hợp với giá cả thị trường của địa phương tại thời điểm lấy mẫu;

- Vận chuyển phân tích từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm: Theo quy định tại Khoản 13 Điều này;

- Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc: Theo quy định tại Khoản 14 Điều này;

- Chi xét nghiệm, kiểm nghiệm mẫu: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành. Đối với dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm chuyển từ phí sang cơ chế giá không thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá: Mức chi theo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ;

- Chi khảo sát, điều tra, thống kê dịch tễ: Theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

18. Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung chương trình:

a) Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung:

- Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phong, bạt (nếu có): Mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hoá đơn);

- Tiền nước uống cho người tham dự: theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

- Chi thù lao người thực hiện tư vấn: Mức chi theo quy định tại Điểm 1.1, Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC. Trường hợp báo cáo viên là cộng tác viên, nhân viên y tế thôn bản: Áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống;

- Chi dịch thuật (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 15 Điều này;

b) Riêng trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế:

- Thù lao người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số tại địa phương quyết định;

- Chi dịch thuật (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 15 Điều này;

c) Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng:

- Được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và được bồi dưỡng theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng.

Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng;

- Chi phiên dịch (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 15 Điều này;

- Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc (nếu có): Theo quy định tại Khoản 14 Điều này.

19. Chi tổ chức khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động thuộc các dự án của Chương trình (bao gồm cả lồng ghép khám bệnh, chữa bệnh (sau đây viết tắt là KCB) với khắc phục hậu quả thiên tai và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn thuộc phạm vi dự án kết hợp quân dân y. Riêng đối với dự án Tiêm chủng mở rộng chỉ thực hiện đối với các bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, thương hàn, lao, bại liệt) (sau đây viết tắt là khám sàng lọc). Nội dung và mức chi bao gồm:

a) Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có). Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành;

b) Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành:

- Trường hợp là người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

+ Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): Mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBK) vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là xã ĐBK); 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại;

+ Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã ĐBK; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại;

- Trường hợp là người không hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

+ Người trực tiếp khám, xét nghiệm: mức hỗ trợ bằng 1,3 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

+ Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc (bao gồm cộng tác viên nếu có): mức hỗ trợ bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Trường hợp khám sàng lọc kết hợp chuyển giao kỹ thuật cho địa phương, mức chi cho bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm áp dụng mức chi thù lao cho giảng viên quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC. Người tham gia khám sàng lọc tại địa bàn nơi khám sàng lọc thì không được hỗ trợ công tác phí theo quy định hiện hành;

c) Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phòng, bạt (nếu có), thanh toán tiền nhiên liệu, điện, nước, vật tư y tế phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn và chứng từ chi tiêu hợp pháp;

d) Chi dịch thuật (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 15 Điều này;

Thời gian thực hiện một đợt khám tại một cụm khám và số lượng đối tượng khám tối thiểu/ngày theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế;

Người tham gia khám sàng lọc chỉ được hưởng 01 mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản này hoặc theo quy định về nội dung chi đặc thù của dự án, hoạt động của Chương trình (nếu có).

20. Chi hỗ trợ các xã, phường, thị trấn để thực hiện công tác quản lý Chương trình: UBND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện và khả năng ngân sách địa phương.

21. Chi thù lao cộng tác viên y tế, dân số tại xã, phường, thị trấn:

a) Đối tượng (nhân viên y tế thôn bản hoặc đối tượng khác) và số lượng cộng tác viên của từng xã: Thủ trưởng cơ quan y tế, dân số tại địa phương quyết định đối với các dự án, hoạt động bắt buộc phải có cộng tác viên thường xuyên;

b) Mức hỗ trợ cộng tác viên như sau:

- Đối với xã, phường, thị trấn trọng điểm, xã ĐBKK: 200.000 đồng/người/tháng/dự án (Dự án 2, 4, 5, 6, 7) hoặc 01 bệnh của Dự án 1 hoặc 01 hoạt động của Dự án 3;

- Đối với các xã còn lại: 150.000 đồng/người/tháng/dự án (Dự án 2, 4, 5, 6, 7) hoặc 01 bệnh của Dự án 1 hoặc 01 hoạt động của Dự án 3;

Trường hợp cộng tác viên của nhiều dự án (Dự án 2, 4, 5, 6, 7) hoặc nhiều bệnh của Dự án 1 hoặc hoạt động của Dự án 3 thì cứ mỗi dự án hoặc 01 bệnh/hoạt động tăng thêm, cộng tác viên được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/tháng.

22. Chi hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt đi và về, tối đa 03 lần) đối với bệnh nhân thuộc hộ nghèo đến kiểm tra tình hình bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa từ tuyến huyện trở lên (đối với các bệnh không thuộc danh mục bệnh được cơ quan BHYT chi trả và chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) theo chỉ định của bác sỹ sau khi khám, sàng lọc phát hiện tại cộng đồng: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 13 Điều này, trong phạm vi dự toán được giao.

23. Chi hỗ trợ cơ sở y tế xây dựng, triển khai mô hình quản lý, phát hiện và ghi nhận bệnh nhân các bệnh không lây nhiễm (gồm bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, tai biến mạch não/đột quy não, nhồi máu cơ tim, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản, sức khỏe tâm thần) theo quy định của

Bộ Y tế. Mức chi: 200.000 đồng/bệnh/cơ sở y tế/tháng để thực hiện các nội dung sau:

a) Lập phiếu đánh giá nguy cơ bệnh, lập phiếu ghi nhận, lập bảng phỏng vấn bệnh nhân (nếu có);

b) Lập hồ sơ bệnh án hoặc sổ theo dõi định kỳ bệnh nhân theo yêu cầu của Chương trình;

c) Tư vấn phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe).

24. Chi thuê kiểm toán độc lập trong trường hợp Kiểm toán Nhà nước không tiến hành kiểm toán hàng năm (nếu thấy cần thiết): thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

25. Chi thẩm định các ca tử vong khi triển khai các dự án, hoạt động thuộc Chương trình trong trường hợp cần thiết theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Chi hợp Hội đồng thẩm định: Áp dụng mức chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN;

b) Chi công tác phí (nếu có): Mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

c) Chi thuê người dẫn đường (nếu cần thiết): Mức chi theo quy định tại Khoản 14 Điều này.

26. Chi khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

27. Chi từ nguồn vốn đối ứng của các dự án viện trợ: Nội dung chi theo Hiệp định hoặc Thỏa thuận với nhà tài trợ. Mức chi theo chế độ chi tiêu hiện hành, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được giao.

Chương III

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA CÁC DỰ ÁN

Điều 5. Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án 1- Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến

1. Hoạt động phòng, chống phong:

a) Chi mua, sản xuất vật dụng đặc thù để trang cấp cho bệnh nhân phong theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hoá trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:

- Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều;

- Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều;

c) Bệnh nhân phong thuộc hộ nghèo được hỗ trợ:

- Dụng cụ phục hồi chức năng cho bệnh nhân phong bị khuyết tật theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

- Trường hợp bệnh nhân nạo vét lỗ đáo điều trị tại trạm y tế xã, cơ sở y tế khu vực được hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 20 ngày;

- Trường hợp bệnh nhân phong bị cơn phản ứng phong nặng hoặc tai biến điều trị được hỗ trợ tiền thuê phương tiện vận chuyển từ nhà đến trạm y tế xã, khu điều trị phong hoặc bệnh viện đa khoa khu vực theo mức chi quy định tại Khoản 13 Điều 4 Thông tư này;

d) Chi thù lao cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán:

- Bệnh nhân ở xã ĐBK: 300.000 đồng/bệnh nhân;

- Bệnh nhân ở các xã còn lại: 200.000 đồng/bệnh nhân.

2. Hoạt động phòng, chống lao:

a) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại cộng đồng: Mức hỗ trợ: 30.000 đồng/bệnh nhân lao AFB;

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyến huyện:

- Đối với xã ĐBK: 50.000 đồng/xã/tháng;

- Đối với các xã còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng;

c) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế (Dự án phòng, chống lao quốc gia):

- Đối với xã ĐBK: 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng;

- Đối với các xã còn lại: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao

kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

3. Hoạt động phòng, chống sốt rét:

a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét tại gia đình:

- Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu;
- Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu;
- Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu;
- Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu;

b) Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng;

c) Chi trả công người làm môi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm;

d) Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hoá chất diệt muỗi: mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

4. Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết:

a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình:

- Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu;
- Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu;
- Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu;
- Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu;

b) Hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút, người trực tiếp phun, tẩm hoá chất diệt muỗi, người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch như sau:

- Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút: 40.000 đồng/mẫu;

- Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

- Chi trả công cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

5. Bảo vệ sức khỏe tâm thần:

a) Chi phát hiện, quản lý và điều trị sớm cho bệnh nhân tâm thần:

Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi;

b) Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình, hỗ trợ nhân viên y tế thôn, bản tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: Số lượng cán bộ, nhân viên y tế được hỗ trợ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp cho thủ trưởng cơ quan chuyên môn quyết định. Mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã/tháng;

- Hỗ trợ nhân viên y tế thôn, bản tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: 20.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực đồng bằng và thành thị, 25.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực miền núi, vùng cao và hải đảo nhưng không quá 100.000 đồng/thôn, bản/tháng.

6. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt:

Chi hỗ trợ cán bộ y tế trong đợt khám sàng lọc, chiến dịch:

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu;

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi: 5.000 đồng/mẫu;

c) Chi công xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt 2.000 đồng/mẫu;

d) Chi công khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát 10.000đ/người được khám;

đ) Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

7. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản:

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

8. Hoạt động y tế trường học:

Chi hỗ trợ lồng ghép giảng dạy các kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân:

a) Chi hỗ trợ soạn giáo trình về y tế học đường: theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

b) Chi thù lao giảng viên dạy chuyên đề về y tế học đường: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC.

Điều 6. Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án 2 - Tiêm chủng mở rộng

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của Chương trình:

a) Đối với xã ĐBK: 24.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin);

b) Đối với các xã còn lại: 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin).

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung:

a) Đối với xã ĐBK: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm);

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm);

3. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ:

a) Đối với xã ĐBK: 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều;

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

4. Chi giám sát, điều tra một trường hợp liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định:

- Đối với xã ĐBK: 520.000 đồng/ca bệnh;

- Đối với các xã còn lại: 400.000 đồng/ca bệnh;

5. Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

- Đối với xã ĐBK: 300.000 đồng/ca bệnh;
- Đối với các xã còn lại: 150.000 đồng/ca bệnh.

6. Chi bồi thường khi sử dụng vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng của người được tiêm chủng: Mức bồi thường theo quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

7. Chi mua bảo hiểm rủi ro cho vắc xin và vật tư tiêm chủng bảo quản tại kho: Theo hợp đồng, hóa đơn của nhà cung cấp bảo hiểm.

Điều 7. Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án 3 – Dân số và Phát triển

1. Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (KHHGD):

a) Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản:

- Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại xã thuộc tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con; người làm việc trên biển từ 15 ngày trở lên;

- Mức hỗ trợ: 300.000 đồng/người tự nguyện triệt sản;

- Hỗ trợ chi phí đi lại đối với người tự nguyện triệt sản đến trung tâm làm kỹ thuật triệt sản, cán bộ y tế xuống xã hoặc các cụm kỹ thuật làm phẫu thuật: Mức chi theo quy định tại Khoản 13 Điều 4 Thông tư này;

b) Chi bảo quản, tiếp nhận phương tiện tránh thai (sau đây viết tắt là PTTT): Mức chi theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu; chi vận chuyển PTTT theo quy định tại Khoản 13 Điều 4 Thông tư này.

c) Cấp miễn phí PTTT theo danh mục do Bộ Y tế ban hành:

- Đối tượng được cấp miễn phí PTTT: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại xã thuộc tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con; người làm việc trên biển trước khi đi biển dài ngày (từ 15 ngày trở lên) và khi cập bờ vào các âu thuyền tại các xã ven biển có từ 200 người trở lên làm việc trên biển;

- Cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ cung cấp PTTT miễn phí có trách nhiệm thống kê, ghi chép đầy đủ danh sách đối tượng theo hướng dẫn của đơn vị chủ trì dự án;

d) Thực hiện tiếp thị xã hội PTTT theo danh mục PTTT: Việc tổ chức triển khai thực hiện và cơ chế quản lý tài chính hoạt động tiếp thị xã hội PTTT thực hiện theo các quy định hiện hành;

đ) Chi kiểm định chất lượng PTTT: theo giá kiểm định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Chi thực hiện dịch vụ KHHGD, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế đối với đối tượng tự nguyện triệt sản và người được cấp miễn phí phương tiện tránh thai:

- Chi thực hiện dịch vụ KHHGD và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ KCB của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở KCB công lập hiện hành;

- Chi tiền công tiêm thuốc tránh thai: theo giá dịch vụ tiêm hiện hành đối với cơ sở y tế công lập;

- Hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt đi và về) cho bệnh nhân thuộc hộ nghèo, người tự nguyện triệt sản hoặc được cấp PTTT (vòng, thuốc tiêm, thuốc cấy) miễn phí bị tai biến theo chuyên môn y tế đến kiểm tra tình hình bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa từ tuyến huyện trở lên (đối với các bệnh không thuộc danh mục bệnh do BHYT chi trả và chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) theo chỉ định của bác sĩ sau khi khám, sàng lọc phát hiện tại cộng đồng: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 13 Điều 4 Thông tư này.

g) Hoạt động sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

- Bộ Y tế lựa chọn số lượng xã triển khai phù hợp với mục tiêu của Dự án, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh quyết định lựa chọn cơ sở KCB có đủ điều kiện, khả năng để thực hiện hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy định của pháp luật về đầu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ công;

- Đối tượng được hỗ trợ thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc dioxin và chưa có thẻ BHYT.

- Nội dung và mức chi của hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

- + Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: Mức chi theo giá dịch vụ KCB hiện hành (chi phí này đã bao gồm lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, mẫu máu ngón tay bà mẹ trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh);

- + Chi gửi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm cả kết quả âm tính hoặc dương tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành (nếu có);

- + Chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của thủ trưởng cơ sở KCB thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo thẩm quyền: Mức chi theo quy định tại Khoản 13 Điều 4 Thông tư này;

h) Chi khám sức khỏe tiền hôn nhân theo chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định:

- Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc dioxin;

- Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ KCB của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở KCB công lập hiện hành;

i) Chi cập nhật thông tin về DS-KHHGD của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về DS-KHHGD của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới;

k) Chi kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển:

- Chi kiểm tra sức khỏe, kiểm tra yếu tố nguy cơ cao, xét nghiệm kiểm tra yếu tố Rh (Rhesus), vi rút viêm gan B và các yếu tố khác ảnh hưởng trực tiếp đến sự mang thai, sự phát triển và chất lượng bào thai cho những cặp nam nữ chuẩn bị kết hôn thuộc hộ gia đình nghèo, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số có nguy cơ sinh con dị tật cao: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ KCB của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở KCB công lập hiện hành;

- Chi khám, kiểm tra sức khỏe cho các bà mẹ đang mang thai có nguy cơ cao ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bình thường của bào thai do tác động của môi trường biển thuộc mô hình thí điểm can thiệp bảo đảm sự phát triển bình thường bào thai và sức khỏe cho người mang thai đang sinh sống và làm việc ở khu vực ngập mặn, đầm phá, cửa sông, cửa biển tại các xã ven biển: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ KCB của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở KCB công lập hiện hành;

- Chi khám, kiểm tra sức khỏe phòng chống bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, phòng ngừa mang thai ngoài ý muốn, phá thai an toàn cho người từ 15 đến 24 tuổi chưa kết hôn, không đi học, chưa có việc làm hoặc có việc làm không ổn định tại các xã ven biển, xã có khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế, âu thuyền, cảng cá, vịnh chài, cửa sông, cửa biển: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ KCB của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở KCB công lập hiện hành;

l) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cấp xã chăm sóc người tự nguyện triệt sản tại nhà sau phẫu thuật (nếu có): 50.000 đồng/người tự nguyện triệt sản;

m) Chi hỗ trợ 01 người làm công tác dân số cấp xã chưa được hưởng lương hoặc phụ cấp từ ngân sách nhà nước: mức hỗ trợ bằng 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

n) Chi xây dựng mô hình các dịch vụ can thiệp về DS-KHHGD: Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt mô hình tại trung ương và UBND cấp tỉnh phê duyệt mô hình tại địa phương. Nội dung và mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành;

o) Chi hỗ trợ sửa chữa, củng cố cơ sở vật chất các kho chứa, bảo quản PTTT, các trung tâm tư vấn và dịch vụ DS-KHHGD; các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD, các cơ sở cung cấp dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tuyến trung ương, tuyến tỉnh theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

p) Chi in sổ sách ghi chép, theo dõi của cơ sở tham gia cung cấp dịch vụ DS-KHHGD; thẻ theo dõi đối tượng phục vụ mục tiêu báo cáo của Chương trình. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng:

a) Chi xây dựng mô hình phục hồi chức năng tại tuyến y tế cơ sở. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN;

b) Chi hỗ trợ người khuyết tật thuộc hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi (sau đây gọi chung là người khuyết tật) tham gia mô hình phục hồi chức năng:

- Chi phẫu thuật - chỉnh hình (nếu có) trong trường hợp người khuyết tật không được Quỹ BHYT thanh toán: theo giá dịch vụ KCB hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở KCB công lập;

- Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình (nếu có): 650.000 đồng/bệnh nhân;

- Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật: 1.300.000 đồng/bệnh nhân.

3. Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

a) Chi phổ biến kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 21/2011/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;

b) Chi triển khai mô hình điểm về chăm sóc sức khỏe dài hạn; mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tại đơn vị nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tập trung người cao tuổi theo phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Y tế. Nội dung và mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

4. Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản:

a) Chi bồi dưỡng cô đỡ ở thôn, bản thuộc các xã vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo đã được đào tạo và đang trực tiếp thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng (chưa được hưởng mức phụ cấp nhân viên y tế thôn bản theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của

Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp của nhân viên y tế thôn bản): 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng (mỗi thôn, bản chỉ hỗ trợ 1 cô đỡ);

b) Chi hỗ trợ túi cô đỡ thôn, bản, gói đỡ đẻ sạch và sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ - trẻ em theo hướng dẫn chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành: Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

a) Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người;

b) Chi mua, vận chuyển các sản phẩm dinh dưỡng cấp miễn phí cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú và trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, vùng cần được hỗ trợ khẩn cấp về dinh dưỡng. Việc mua sắm, vận chuyển theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chi hỗ trợ cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng:

- Đối với xã ĐBK: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống);

- Đối với xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

Điều 8. Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án 4 – An toàn thực phẩm (ATTP)

1. Chi triển khai kỹ thuật và thẩm định phương pháp thử; triển khai phương pháp thử nghiệm quốc tế, khu vực, đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm:

a) Chi thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng. Nội dung và mức chi đặc thù bao gồm:

- Chi xây dựng đề cương dự kiến chương trình thử nghiệm: 1.000.000 đồng/đề cương;

- Thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng quốc tế và trong nước: Mức chi theo hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp;

- Thuê chuyên gia thử nghiệm thành thạo (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư này;

- Chi hợp Hội đồng thử nghiệm thành thạo: Áp dụng mức chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

- Tổng hợp, xử lý kết quả phân tích của các phòng kiểm nghiệm: 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Gửi kết quả phân tích cho cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định: Mức chi theo giá cước dịch vụ bưu chính;

b) Chi thuê hiệu chuẩn trang thiết bị kiểm nghiệm phục vụ Chương trình: Mức chi theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá;

c) Chi chuẩn hoá phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2005 đối với các cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm:

- Xây dựng, chuẩn hoá phương pháp thử ISO: 500.000 đồng/phương pháp thử;

- Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 500.000 đồng/người/tháng;

d) Chi đánh giá nội bộ tối đa không quá 2 lần/năm:

- Chi xây dựng đề cương đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/đề cương;

- Thuê chuyên gia tư vấn thực hiện giám sát đánh giá nội bộ (nếu có): Mức chi theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư này;

- Chi đánh giá nội bộ: Áp dụng mức chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN;

- Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa tài liệu, giám sát đánh giá nội bộ: 200.000 đồng/cán bộ/đợt đánh giá; tối đa không quá 5 cán bộ/đợt đánh giá.

2. Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

a) Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm;

b) Chi thù lao người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này): Mức hỗ trợ như sau:

- Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: Mức chi 130.000 đồng/người/ngày;

- Tại các khu vực, địa điểm khác: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày;

c) Chi xây dựng mô hình điểm về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; bếp ăn tập thể tại địa phương. Thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp tỉnh tại địa phương quyết định. Nội dung và mức chi bao gồm:

- Chi xây dựng đề cương: 1.000.000 đồng/đề cương;

- Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá mô hình điểm, hướng dẫn thiết lập chương trình, giám sát mô hình (bao gồm cả đánh giá thử để thẩm tra, giám sát hiệu quả chương trình quản lý chất lượng của mô hình): Mức chi theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư này;

- Các nội dung khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền: mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành và quy định tại Thông tư này, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi bảo đảm vệ sinh ATTP trong sản xuất nông sản và thủy sản

a) Chi kiểm tra từ gốc tại nước xuất khẩu nông sản, thủy sản vào Việt Nam theo quy định về chuyên môn, kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành;

b) Chi triển khai các chương trình giám sát quốc gia về ATTP nông sản và thủy sản:

- Chi điều tra, khảo sát, thống kê: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Thông tư này;

- Chi kiểm tra, giám sát: Theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 Thông tư này;

c) Chi triển khai hoạt động đánh giá nguy cơ ATTP nông sản, thủy sản. Nội dung và mức chi bao gồm:

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hành: Mức chi theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về cảnh báo, điều tra nguyên nhân và thu hồi sản phẩm nông sản, thủy sản không bảo đảm chất lượng ATTP: Mức chi theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư này;

- Lấy mẫu, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu ATTP, kiểm tra, thanh tra tăng cường các trường hợp có dấu hiệu vi phạm (khi có cảnh báo, sự cố về ATTP, hoặc nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm): Mức chi lấy mẫu kiểm tra, thanh tra theo quy định tại Khoản 16 và Khoản 17 Điều 4 Thông tư này; thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

4. Chi hỗ trợ xây dựng và áp dụng lần đầu một số mô hình trong sản xuất, kinh doanh, mô hình liên kết chuỗi, các chương trình quản lý tiên tiến (GMP, GHP, VietGAP, HACCP, ISO 22000,...) do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt. Mô hình tại địa phương do thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp tỉnh tại địa phương quyết định. Nội dung và mức chi bao gồm:

a) Xây dựng đề cương: 1.000.000 đồng/đề cương;

b) Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá mô hình điểm, hướng dẫn thiết lập chương trình, giám sát mô hình (bao gồm cả đánh giá thử để thẩm tra, giám sát

hiệu quả chương trình quản lý chất lượng của mô hình): Mức chi theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư này;

c) Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ lần đầu tiên áp dụng các chương trình quản lý chất lượng thực phẩm an toàn (mô hình sản xuất, mô hình liên kết chuỗi, các chương trình quản lý tiên tiến) được hỗ trợ một số nội dung trong năm đầu như sau:

- Lấy mẫu, phân tích, đánh giá một số chỉ tiêu vệ sinh ATTP theo quy định về chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi lấy mẫu kiểm tra, thanh tra theo quy định tại Khoản 16 và Khoản 17 Điều 4 Thông tư này. Chi thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu: theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá;

- Hỗ trợ dụng cụ giám sát nhanh cho cơ sở sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mô hình, trong phạm vi dự toán được giao.

5. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình tiên tiến đạt chuẩn đối với chợ an toàn thực phẩm. Mô hình tại Trung ương do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định, mô hình tại địa phương do thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp tỉnh tại địa phương quyết định. Nội dung và mức chi bao gồm:

a) Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá mô hình điểm, hướng dẫn thiết lập chương trình, giám sát mô hình (bao gồm cả đánh giá thử để thẩm tra, giám sát hiệu quả chương trình quản lý chất lượng của mô hình): Mức chi theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư này;

b) Các nội dung khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền: mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành và quy định tại Thông tư này, trong phạm vi dự toán được duyệt.

6. Chi tham quan mô hình chợ bảo đảm vệ sinh ATTP để xây dựng và nhân rộng mô hình tại các địa phương: Nội dung và mức chi áp dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

7. Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho các đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm nghiệm, quản lý nhà nước về ATTP. Mức chi theo dự án sửa chữa, cải tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

8. Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về ATTP: Theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 Thông tư này.

Điều 9. Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án 5 – Phòng, chống HIV/AIDS

1. Tăng cường xét nghiệm phát hiện HIV/AIDS:

a) Chi xét nghiệm HIV, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (STI) phục vụ các hoạt động chuyên môn của Chương trình trong các đợt giám sát dịch tễ học HIV/AIDS, giám sát các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục

(gồm giám sát trọng điểm, giám sát phát hiện, giám sát trọng điểm lồng ghép giám sát hành vi và các chỉ số sinh học) của các đối tượng bắt buộc phải xét nghiệm HIV theo quy định của pháp luật (bao gồm cả các đợt điều tra, phục vụ nghiên cứu): Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ KCB, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở KCB, cơ sở điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV công lập;

b) Chi hỗ trợ xét nghiệm tìm các chất ma túy trong máu, nước tiểu và các xét nghiệm thường quy khác theo quy định của Bộ Y tế đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số sống tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ KCB, giá dịch vụ khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở KCB, cơ sở khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế công lập;

c) Chi hỗ trợ đối tượng nguy cơ cao cho mẫu máu, bệnh phẩm: 30.000 đồng/mẫu.

2. Chi triển khai can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV:

a) Chi phụ cấp cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng, nhưng không quá 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng chế độ thù lao từ nguồn kinh phí Chương trình và ngược lại;

b) Chi hỗ trợ sinh hoạt nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng hàng tháng:

- Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng: 10.000 đồng/thành viên/tháng, nhưng tối đa 1.200.000 đồng/nhóm/năm;

- Hỗ trợ tài liệu, phương tiện truyền thông, phương tiện bảo hộ lao động thu gom vật dụng can thiệp, đồng phục cho hoạt động của nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng theo định mức quy định của thủ trưởng cơ quan chuyên môn về y tế cấp tỉnh;

c) Chi thăm hỏi khi thành viên trong nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng bị ốm đau: 100.000 đồng/lần, tối đa 3 lần/năm;

d) Trợ cấp một lần đối với thành viên tuyên truyền viên đồng đẳng có nhiều thành tích đóng góp trong công tác phòng, chống HIV/AIDS có hoàn cảnh khó khăn: 200.000 đồng/thành viên;

Số lượng nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ, số nhóm và số lượng thành viên nhóm tuyên truyền viên đồng đẳng do thủ trưởng cơ quan

chuyên môn về y tế tại địa phương quyết định phù hợp với thực tế của địa phương;

đ) Chi ngoại kiểm phòng xét nghiệm. Mức chi theo giá dịch vụ ngoại kiểm phòng xét nghiệm HIV do Bộ Y tế ban hành.

3. Chi hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con:

a) Hỗ trợ điều trị HIV/AIDS:

- Người bị nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp, rủi ro của kỹ thuật y tế, người dân có nguy cơ rủi ro lây nhiễm HIV khi tham gia cứu nạn, phòng tội phạm, phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK (trừ đối tượng đã được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán chi phí KCB từ nguồn quỹ BHYT hoặc được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) được hỗ trợ:

+ Chi phí thực hiện các xét nghiệm theo quy định của Bộ Y tế phục vụ công tác điều trị. Mức chi áp dụng theo giá xét nghiệm, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở KCB, cơ sở điều trị HIV/AIDS công lập;

+ Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội cho người nhiễm HIV. Mức hỗ trợ 200.000 đồng/người/năm;

- Người nhiễm HIV trong các cơ sở giáo dục thường xuyên, trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam: Hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cơ hội theo quy định tại Quyết định số 96/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, chăm sóc, tư vấn điều trị cho người nhiễm HIV và phòng lây nhiễm HIV tại các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, trung tâm, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam và các văn bản hướng dẫn Quyết định;

b) Hỗ trợ tình nguyện viên tham gia chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV tại cộng đồng ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK: Mức hỗ trợ 350.000 đồng/người/tháng. Số lượng tình nguyện viên do thủ trưởng cơ quan chuyên môn y tế cấp tỉnh quyết định phù hợp với số lượng người nhiễm HIV/AIDS cần được chăm sóc, điều trị trên địa bàn tỉnh;

c) Hỗ trợ dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: Chi xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai tự nguyện xét nghiệm HIV, trẻ em dưới 18 tháng tuổi sinh ra từ người mẹ nhiễm HIV/AIDS. Mức chi áp dụng theo giá dịch vụ KCB, giá dịch vụ khám và điều trị HIV/AIDS do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ sở KCB, cơ sở điều trị HIV/AIDS công lập;

d) Người nhiễm HIV tử vong bị bỏ rơi hoặc không xác định được thân nhân: Cơ sở thực hiện việc mai táng được hỗ trợ chi phí mai táng, di chuyển thi thể, hài cốt theo quy định của pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Mức chi phí mai táng không quá 30 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo Nghị

định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 10. Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án 6 – Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

1. Tổ chức các chương trình, sự kiện vận động hiến máu tình nguyện: Thủ trưởng đơn vị được giao thực hiện quyết định việc tổ chức các chương trình, sự kiện theo chế độ chi tiêu hiện hành, trong phạm vi dự toán được giao.

2. Chi thực hiện chương trình ngoại kiểm xét nghiệm sàng lọc đơn vị máu bảo đảm an toàn truyền máu phòng, ngừa lây nhiễm HBV, HCV, HIV, giang mai:

Nội dung và mức chi theo quy định tại Khoản 19 Điều 4 Thông tư này, ngoài ra, còn được hỗ trợ:

a) Chi phí thu thập tài liệu, nhập liệu, tổng hợp phân tích kết quả và viết báo cáo: 150.000 đồng/đơn vị;

b) Cập nhật tài liệu, quy trình chất lượng liên quan đến EQAS: 500.000 đồng/quy trình;

c) Chi hỗ trợ người xây dựng và bảo quản ngân hàng máu: 10.000 đồng/mẫu;

d) Chi hỗ trợ người điều chế và xét nghiệm bộ mẫu: 100.000 đồng/mẫu.

3. Về hỗ trợ hoạt động xây dựng lực lượng hiến máu dự bị để xây dựng ngân hàng máu sống: Nội dung và mức chi theo quy định tại Khoản 19 Điều 4 Thông tư này, ngoài ra, được hỗ trợ kinh phí lập kế hoạch, chương trình, viết báo cáo: tối đa 500.000 đồng đối với cấp xã, huyện; 1.000.000 đồng đối với cấp tỉnh; 2.000.000 đồng đối với cấp Trung ương.

Điều 11. Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án 7 – Quân dân y kết hợp

1. Chi hỗ trợ một lần sửa chữa, bổ sung trang thiết bị y tế thiết yếu của các cơ sở y tế quân dân y khu vực biên giới, hải đảo. Danh mục trang thiết bị y tế thiết yếu cần sửa chữa, bổ sung theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Xây dựng mô hình điểm về kết hợp quân dân y theo phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Y tế: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định mô hình tại Trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp theo thẩm quyền quyết định mô hình. Nội dung và mức chi theo chế độ chi tiêu hiện hành.

3. Chi hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động nhằm đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp, bao gồm:

a) Bồi dưỡng diễn tập: 200.000 đồng/người/ngày;

b) Chi xây dựng kịch bản, văn kiện diễn tập, trang phục cá nhân, thuê mượn trang thiết bị y tế, phương tiện và các chi phí khác phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập (nếu có). Mức chi xây dựng kịch bản, văn kiện diễn tập theo hợp đồng giám đốc dự án quyết định trong phạm vi dự toán được duyệt. Chi trang phục cá nhân, thuê mượn trang thiết bị, phương tiện và các chi phí khác phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Chi khám, chữa bệnh lưu động và theo chiến dịch cho các đối tượng chính sách, người nghèo tại xã ĐBKK, xã khu vực I, khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc và miền núi, các khu vực trọng điểm về quốc phòng, an ninh: Nội dung và mức chi theo quy định tại Khoản 19 Điều 4 Thông tư này.

Điều 12. Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án 8 – Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình và truyền thông y tế

1. Chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí); chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip)) để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về Chương trình: Trường hợp đã có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì áp dụng định mức chi phí, đơn giá đó. Trường hợp chưa có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành, thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, chương trình truyền thông đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; ưu tiên truyền thông qua đài phát thanh xã, phường, thị trấn. Việc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Chi hỗ trợ truyền thông, quảng bá nội dung của chương trình trên mạng xã hội nhằm đáp ứng công tác truyền thông trong tình hình hiện nay (nếu có). Nội dung chi và mức chi theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư này.

3. Chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng: 80.000 đồng/tin, bài từ 350 từ đến dưới 600 từ; 100.000 đồng/bài từ 600 từ trở lên.

4. Chi trả nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thù lao cho người tham gia thực hiện các công việc liên quan đến tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm, người sưu tầm tài liệu, cung cấp thông tin phục vụ cho việc sáng tạo tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm về thông tin, tuyên truyền: Mức chi theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

5. Chi tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, nói chuyện chuyên đề: Nội dung và mức chi theo quy định tại Điểm a Khoản 18 Điều 4 Thông tư này.

6. Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép:

a) Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 40.000 đồng/người/ngày;

b) Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/ngày. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ truyền thông quyết định số lượng người tham gia chiến dịch trong phạm vi dự toán được giao;

c) Bồi dưỡng phát thanh viên: 100.000 đồng/người/ngày;

d) Chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện, trang trí, ảnh tư liệu, thuê hội trường, phòng, bạt, bàn, ghế, thiết bị loa, đài và các chi phí hợp lý khác. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được duyệt.

7. Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chính sách, pháp luật, kiến thức liên quan đến Chương trình, bao gồm:

a) Chi đăng báo và thông tin trên các phương tiện truyền thông để phát động và thông báo thể lệ cuộc thi: Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được giao;

b) Các khoản chi khác (nếu có) như: xây dựng kịch bản; thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi; thuê dẫn chương trình; chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức; chi giải thưởng cho cá nhân, tập thể, bồi dưỡng cho người phục vụ, người dẫn chương trình (MC); văn phòng phẩm; hỗ trợ chi phí đi lại, tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho người dự thi ở xa nơi tổ chức: Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hoạt động, nhiệm vụ đã triển khai thực hiện trước ngày 31 tháng 7 năm 2017: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại các Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính, Bộ Y tế số: 113/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 15 tháng 8 năm 2013 quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế giai đoạn 2012-2015, số 117/2015/TTLT-BTC-BYT ngày 11 tháng 8 năm 2015 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 113/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 15 tháng 8 năm 2013 quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế giai đoạn 2012-2015, số 67/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 21 tháng 5 năm 2013 quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm giai đoạn 2012-2015, số 163/2012/TTLT-BTC-BYT ngày 08 tháng 10 năm 2012 quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2012-2015, và số 20/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 20 tháng 02 năm 2013 quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2012-2015.

2. Các hoạt động, nhiệm vụ triển khai thực hiện từ ngày 31 tháng 7 năm 2017 đến hết ngày 06 tháng 5 năm 2018: nội dung chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1125/QĐ-TTg, mức chi theo quy định tại các Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính, Bộ Y tế nêu tại Khoản 1 Điều này và các chế độ chi tiêu hiện hành.

3. Các hoạt động, nhiệm vụ triển khai thực hiện từ ngày 07 tháng 5 năm 2018: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1125/QĐ-TTg và quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2018.

2. Thông tư liên tịch số 113/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư liên tịch số 67/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 21 tháng 5 năm 2013, Thông tư liên tịch số 163/2012/TTLT-BTC-BYT ngày 08 tháng 10 năm 2012, Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BTC-BYT ngày 20 tháng 02 năm 2013 và Thông tư liên tịch số 117/2015/TTLT-BTC-BYT ngày 11 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Y tế hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể xem xét, quyết định theo thẩm quyền mức hỗ trợ cao hơn mức quy định tại Thông tư này để thực hiện Chương trình.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng các điều, khoản, điểm tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016

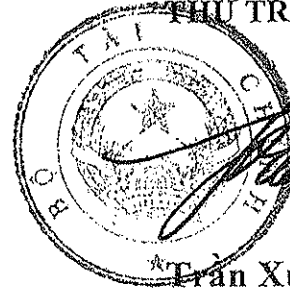
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và kịp thời. /

Nơi nhận: *ra*

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện KSND tối cao; TAND tối cao;
- Ủy ban Giám sát Tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Sở: TC, Y tế, NN&PTNT, Công Thương;
- KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (550b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

**UBND TỈNH BẮC GIANG
VĂN PHÒNG**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 227 /SY

Bắc Giang, ngày 18 tháng 5 năm 2018

Nơi nhận: *ks*

- Lưu: VT, KGVX.

Bản điện tử:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT;
 - + Trưởng các phòng, đơn vị.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Đức Đăng

